

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-04-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Mạch Đồng R**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày: Chị và anh Mạch Đồng R tự nguyện kết hôn năm 1999 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không còn hòa hợp, thường xuyên cự cãi nhau và không cùng quan điểm sống; anh R nhiều lần đánh chị. Sự việc mâu thuẫn ngày càng kéo dài nên không thể tiếp tục đời sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh R.

Quá trình chung sống chị và anh R có 03 con chung tên Mạch Thành T, sinh ngày 06/9/2000; Mạch Trọng N, sinh ngày 02/7/2002 và Mạch Trung T1, sinh

ngày 29/8/2004. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung chị xác định không có.

- Quá trình giải quyết vụ án anh Mạch Đồng R trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị B về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên lúc cự cãi do anh nóng giận nên có đánh chị B. Nay anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung như chị B trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị B nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và về nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của anh R thì thấy rằng: Anh R có văn bản xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh R là đúng quy định pháp luật.

[2] Theo chị B và anh R trình bày anh, chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau và không còn hòa hợp, anh R nhiều lần nóng tính đánh chị B. Mặc dù anh, chị thuận tình ly hôn với nhau nhưng thấy rằng: chị và anh R chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."* Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh R không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị B và anh R có 03 con chung tên Mạch Thành T, sinh ngày 06/9/2000; Mạch Trọng N, sinh ngày 02/7/2002 và Mạch Trung T1, sinh ngày 29/8/2004, hiện do chị B nuôi dưỡng. Qua làm việc nguyện vọng của cháu T, cháu N và cháu T1 là được ở cùng với mẹ sau khi cha mẹ các cháu ly hôn là phù hợp với sự thỏa thuận nuôi con của chị B và anh R. Do đó, Tòa án cần giao con chung cho chị B nuôi dưỡng là đúng theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị B và anh R không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị B và anh R xác định tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Mạch Đồng R là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Mạch Thành T, sinh ngày 06/9/2000, Mạch Trọng N, sinh ngày 02/7/2002 và Mạch Trung T1, sinh ngày 29/8/2004 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị B và anh R không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Mạch Đồng R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản và nợ không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình chị B phải chịu 300.000 đồng, chị B nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0009577 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên